

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Văn Siêng**.

2. Bà **Phạm Thị Thanh Hoa**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Ngô Bảo Duy** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Kim Tr**, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: 197/27/34/8 đường TL 15, khu phố 3C, phường T, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Đỗ Thị Thu N** - Văn phòng Luật sư Thu N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (Xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Kim Tr trình bày:

Chị Tr và anh C tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 14/02/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, mọi việc trong gia đình đều do chị Tr lo liệu dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ. Chị Tr và anh C đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Gia K, sinh ngày 24/4/2017 và Trần Nguyễn Gia T, sinh ngày 11/6/2020 đều đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị Tr không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh C không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Tr.

- Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Cuộc sống vợ chồng giữa chị Tr và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không có mặt theo triệu tập của Tòa án cho thấy anh C không có ý muốn đoàn tụ vợ chồng nên đề nghị xem xét cho chị Tr được ly hôn với anh C. Hiện cả 02 cháu K, T đang sống chung với chị Tr, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung hiện đang sống với chị Tr nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Tr yêu cầu ly hôn với anh C và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh C là bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện G, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Tr và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tr có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tr, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tr và anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tr và anh C chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 14/02/2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị Tr trình bày trong quá trình chung sống, giữa chị và anh C xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị Tr yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án trong đó có nêu rõ yêu cầu được ly hôn của chị Tr cùng các tài liệu, chứng cứ của chị Tr giao nộp cho anh C, đồng thời triệu tập anh C để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh C đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh C không phản đối yêu cầu của chị Tr, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, giữa anh C và chị Tr không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cân xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị Tr và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Về nuôi con chung: Chị Tr và anh C có 02 con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Gia K và Trần Nguyễn Gia T. Chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*. Do quá trình giải quyết vụ án anh C vắng mặt, không có sự thỏa thuận với chị Tr về người trực tiếp nuôi con chung. Thấy rằng, hiện các cháu K, T đang sống chung với chị Tr. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho các cháu nên Hội đồng xét xử giao các cháu cho chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh C có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện về vật chất để các cháu K, T được chăm sóc tốt hơn. Hội đồng xét xử quyết định anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu K, T hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng bằng

½ mức lương cơ sở do nhà nước quy định (thời điểm giải quyết tương đương 900.000 đồng/cháu/tháng), thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Tr, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí:

Chị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12- 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12- 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[8] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim Tr được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Ngọc Gia K, sinh ngày 24/4/2017 và Trần Nguyễn Gia T, sinh ngày 11/6/2020 cho chị Nguyễn Kim Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Trần Ngọc Gia K và Trần Nguyễn Gia T hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do nhà nước quy định (thời điểm giải quyết tương đương 900.000 đồng/cháu/tháng), thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu K, T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo

quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Trần Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Kim Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011704 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị Tr đã nộp xong án phí.

Anh Trần Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kim Tr, anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú

